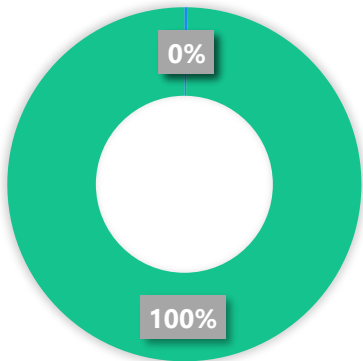


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	196,400	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH	14,903,987	
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài	0.3%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,927	
P/E	-412.2	
EPS	-476	

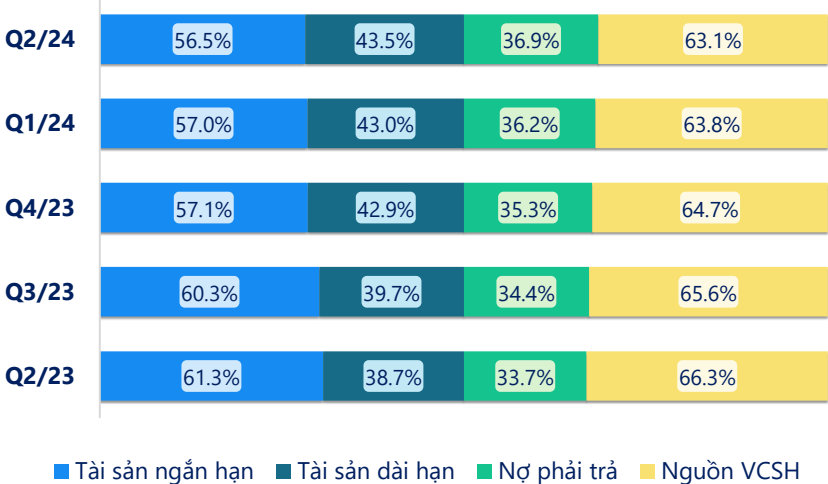
	YTD	1T	3T	6T
GAB	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu sở hữu



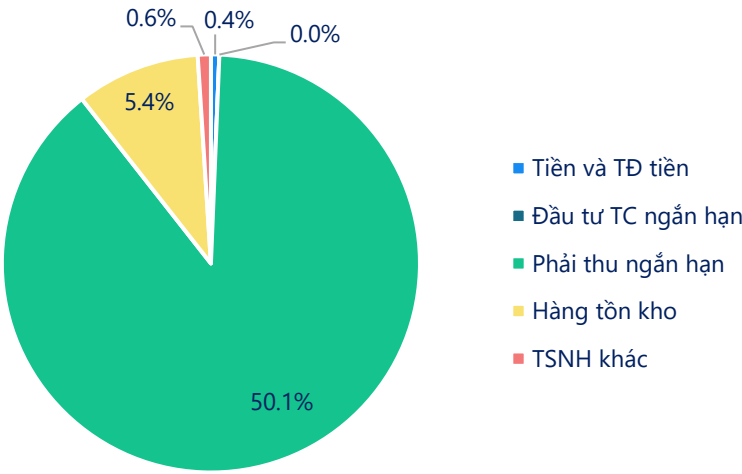
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

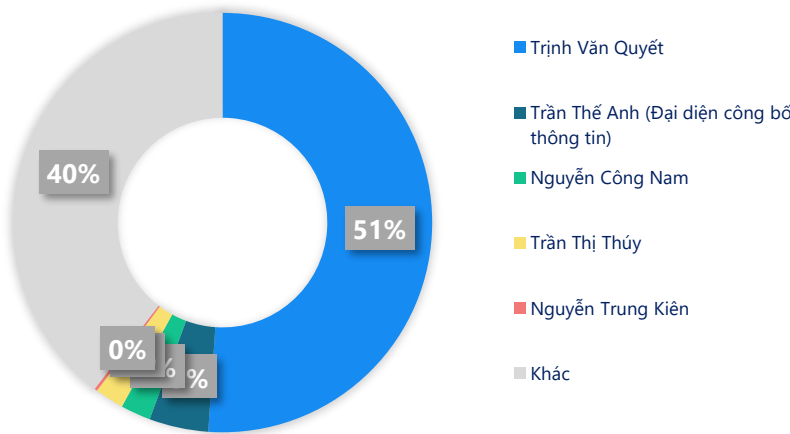
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q2/24

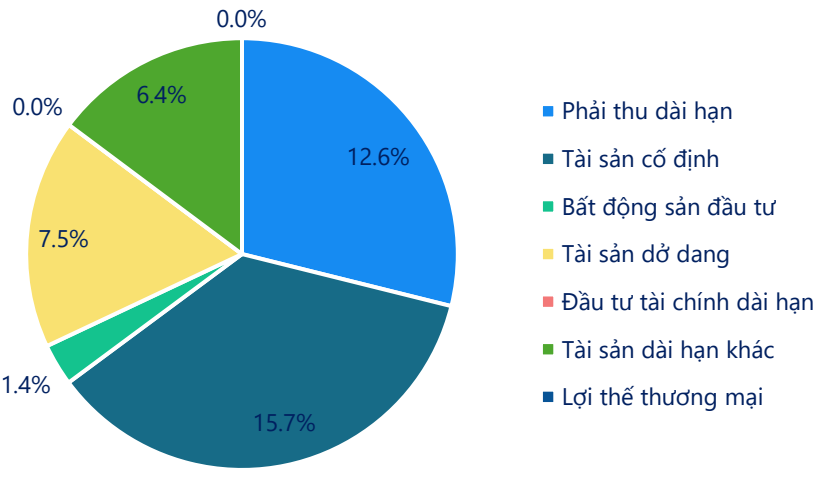
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



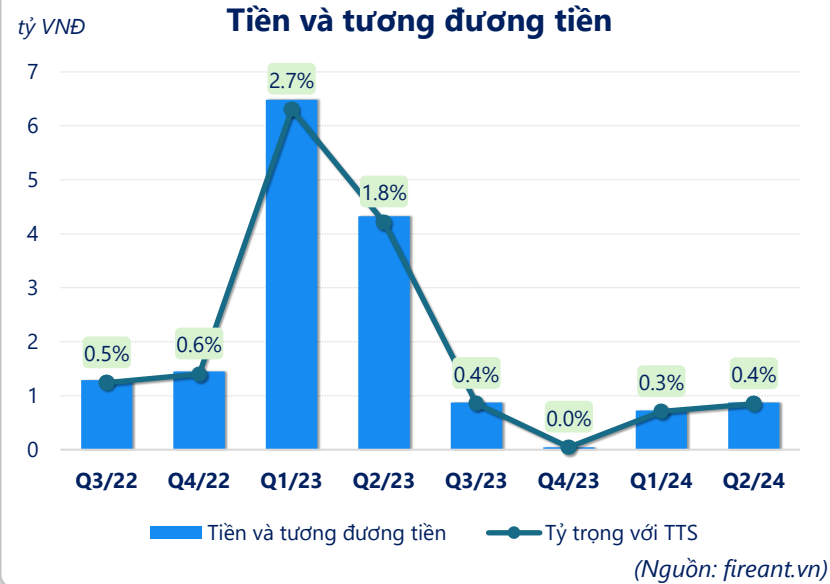
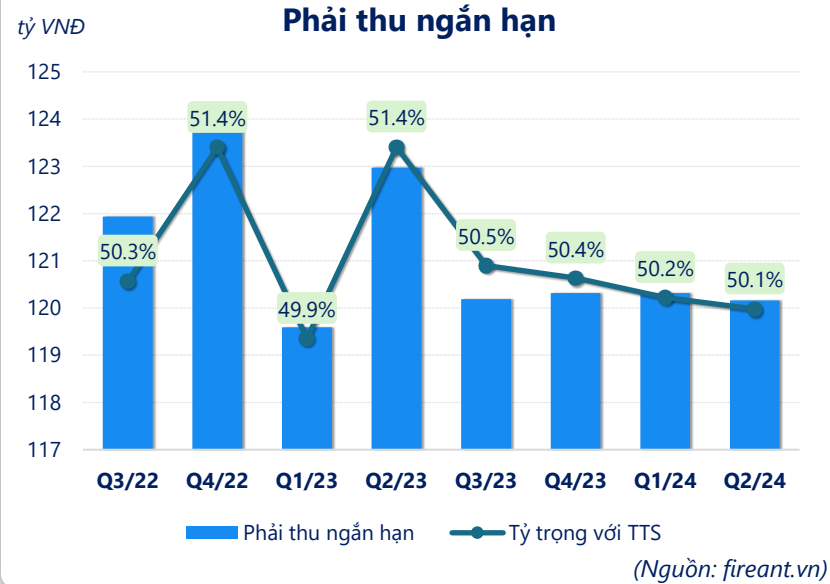
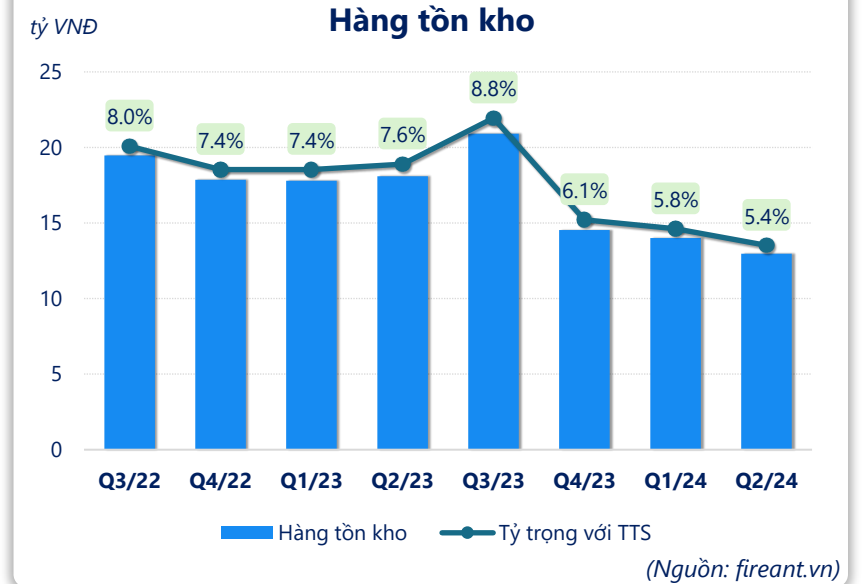
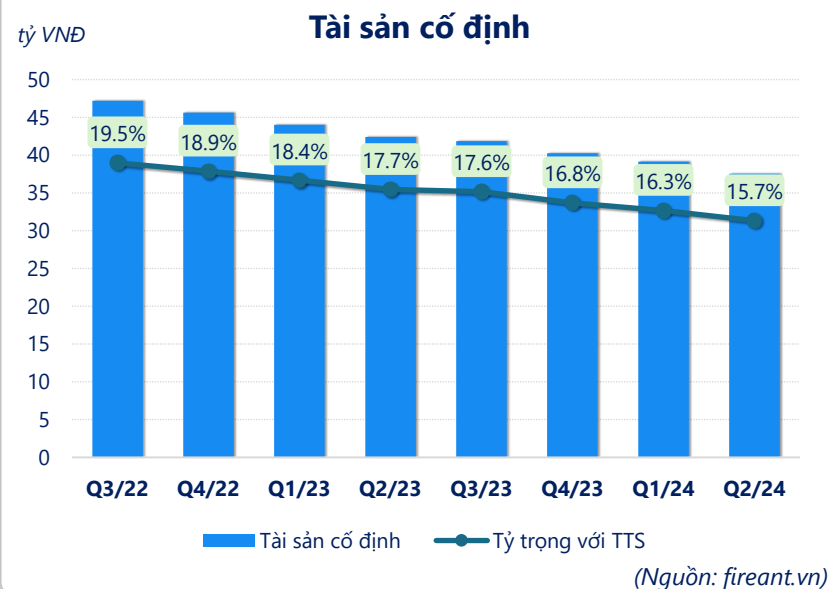
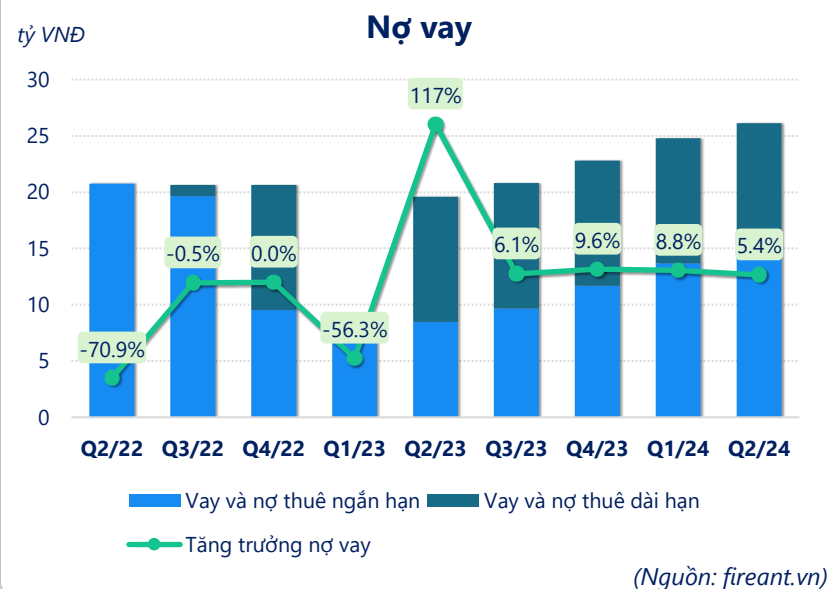
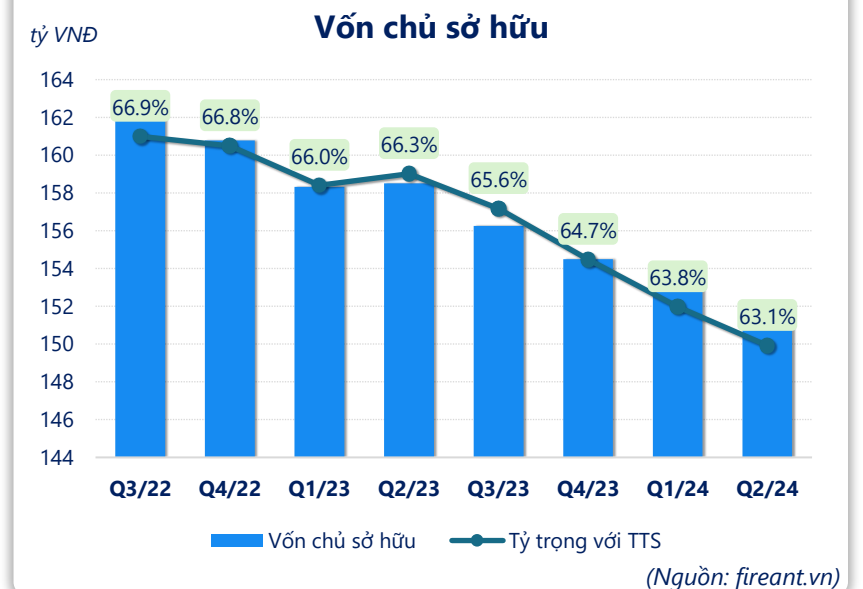
(Nguồn: fireant.vn)

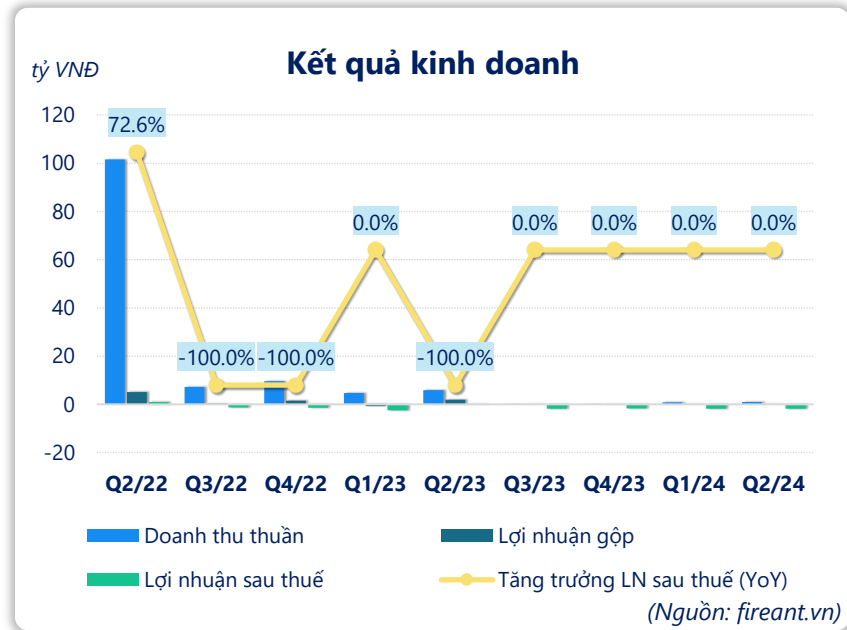
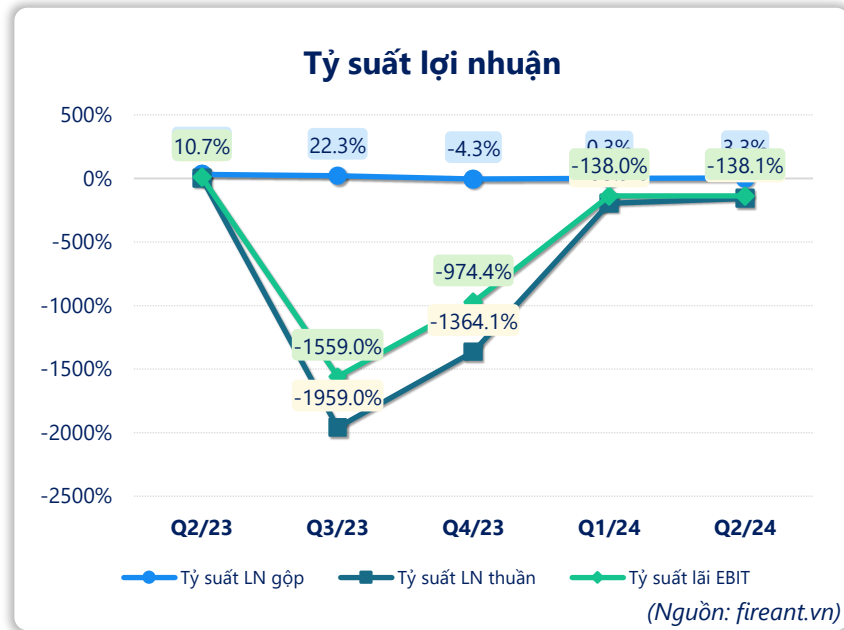
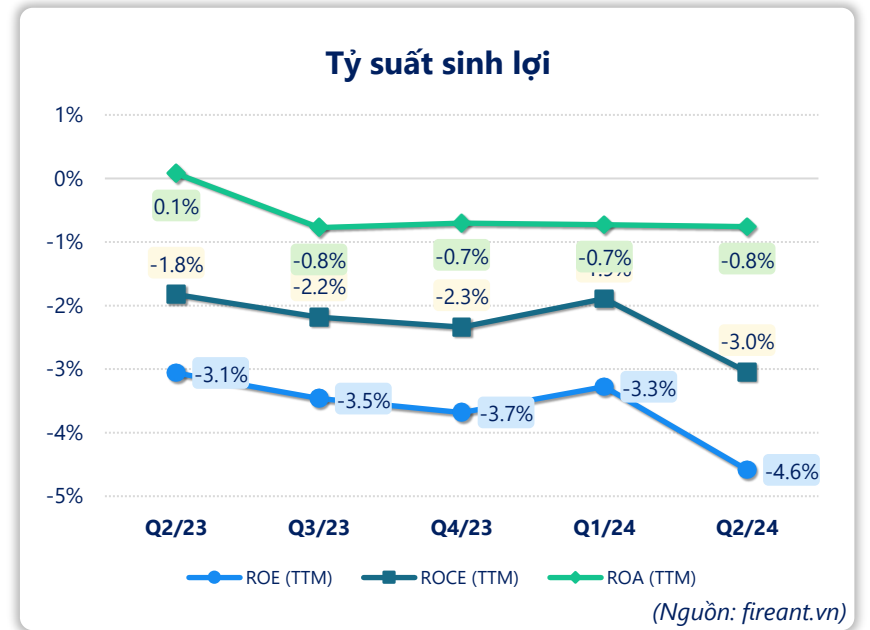
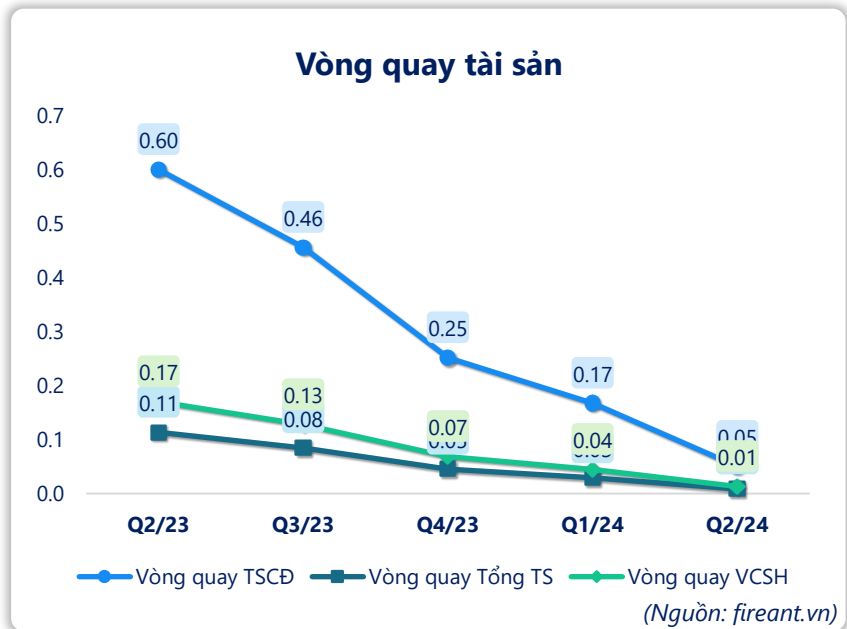
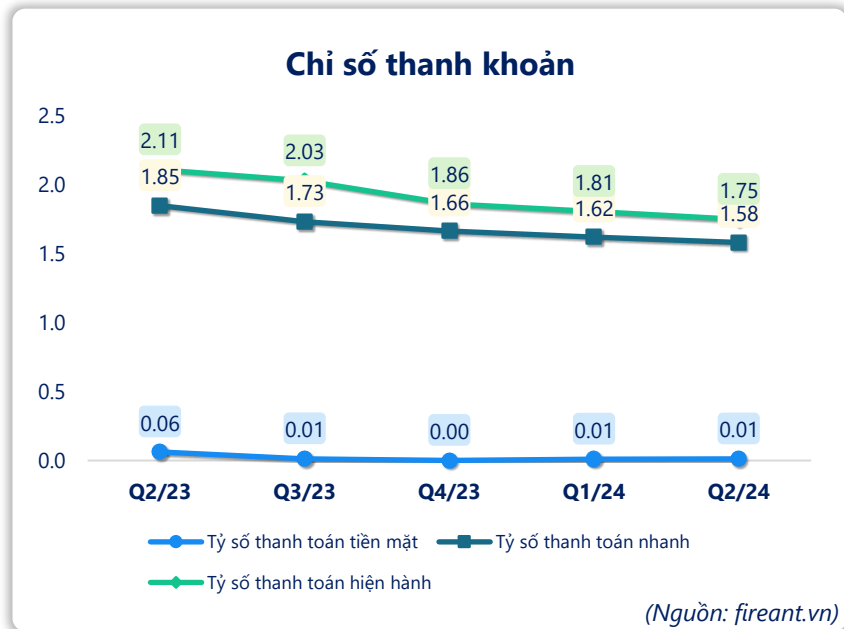
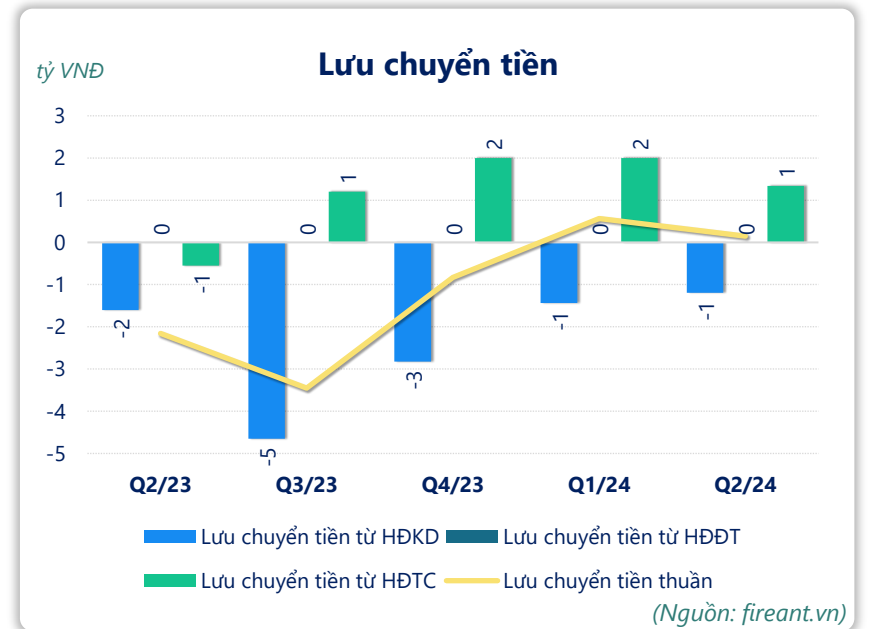
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q2/24

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	240	239	0.4%
Tài sản ngắn hạn	135	136	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	0.87	0.05	1765%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	120	120	-0.1%
Hàng tồn kho	13.0	14.5	-10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.37	1.59	-13.8%
Tài sản dài hạn	104	102	1.9%
Phải thu dài hạn	30.1	30.1	0.1%
Tài sản cố định	37.5	40.2	-6.7%
Bất động sản đầu tư	3.28	3.28	0.0%
Tài sản dở dang	18.0	12.7	41.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	15.4	16.0	-3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	88.5	84.4	4.9%
Nợ ngắn hạn	77.4	73.3	5.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.0	11.7	28.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.97	2.92	1.5%
Nợ dài hạn	11.1	11.1	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.1	11.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	151	154	-2.1%
Vốn chủ sở hữu	151	154	-2.1%
Vốn điều lệ	149	149	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	5.87	0.09	0.12	0.87	0.93
Giá vốn hàng bán	4.00	0.07	0.13	0.87	0.89
Lợi nhuận gộp	1.87	0.02	-0.01	0.00	0.03
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.45	0.46	0.50	0.54	0.54
Chi phí lãi vay	0.45	0.46	0.50	0.54	0.54
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.26	0.41	0.47	0.50	0.35
Chi phí QLDN	0.95	0.90	0.67	0.67	0.59
LN thuần từ HĐKD	0.22	-1.75	-1.65	-1.71	-1.45
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.11	-0.03	-0.03	-0.37
LN trước thuế	0.18	-1.86	-1.68	-1.75	-1.82
Lợi nhuận sau thuế	0.18	-1.86	-1.68	-1.75	-1.82
LNST của CĐ cty mẹ	0.18	-1.86	-1.68	-1.75	-1.82

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.60	-4.65	-2.83	-1.43	-1.19
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.55	1.20	2.00	2.00	1.34
Tiền đầu kỳ	6.48	4.33	0.87	0.16	0.72
Lưu chuyển tiền thuần	-2.15	-3.45	-0.83	0.57	0.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.33	0.87	0.05	0.72	0.87

(Nguồn: fireant.vn)